

QUỐC TẾ HOÁ KHOÁ HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TRÊN THỂ GIỚI: NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN TỪ GÓC NHÌN PHÂN TÍCH SWOT VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Lê Tấn Cường

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Email: cuonglt@hcmussh.edu.vn

Article history

Received: 29/12/2024

Accepted: 28/02/2025

Published: 20/3/2025

Keywords

Curriculum, higher education, teaching, global perspectives

ABSTRACT

Course internationalisation has become increasingly important due to the growing demand for labour in the local and global labour markets. Despite its proven benefits to multiple higher education institutions, little research has been conducted to examine its main facets and offer recommendations for the future. In order to analyse key elements of course internationalisation and propose some implications for implementation in Vietnamese universities, the current study employs SWOT analysis. The study findings reveal that course internationalization has positive influences on students' academic performance and fundamental skill development. In higher education, course internationalisation is a potential endeavour, despite several challenges. The research results serve as helpful resources for universities and provide a promising direction for future research in Vietnam.

1. Mở đầu

Dưới tác động của quá trình toàn cầu hoá trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như hiện nay, các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) đã và đang đối mặt với áp lực lớn là làm thế nào để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực. Bên cạnh những hoạt động phổ biến các CSGDĐH đã và đang triển khai như xây dựng kế hoạch chiến lược, hoàn thiện quy trình phối hợp, nâng cao chất lượng công tác bảo đảm chất lượng bên trong, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, đổi mới công tác tuyển sinh và nâng cao chất lượng truyền thông - đối ngoại thì quốc tế hoá chương trình đào tạo (QTHCTĐT) đã trở thành chủ đề nhận được sự quan tâm ngày càng lớn của các cấp quản lý và các nhà khoa học trong lĩnh vực giáo dục. Theo Đỗ Thị Hồng Liên (2023), “*sự quan tâm của các học giả đối với chủ đề QTHCTĐT ngày càng lớn, thể hiện qua số lượng xuất bản gia tăng đáng kể trong vòng 10 năm trở lại đây*” (tr 60). Nghiên cứu của Osakwe và cộng sự (2022) cũng chỉ ra rằng “*Các tài liệu về giáo dục quốc tế cho thấy những sự thay đổi trong giáo dục đại học đang chuyển trọng tâm từ việc khuyến khích sinh viên (SV) đi ra nước ngoài như một phần của quá trình học tập sang việc mang thế giới vào khoá học của SV thông qua QTHCTĐT/Quốc tế hóa (QTH) khoá học tại cơ sở đào tạo*” (tr 26). Cũng bàn về vấn đề này, de Wit (2024) cũng nhận định rằng những điều thực sự quan trọng trong thập kỉ sắp tới là nhu cầu cần chuyển từ tiếp cận ngắn hạn sang tiếp cận dài hạn nhằm mang cơ hội học tập về quốc tế đến với tất cả SV. Như vậy, có thể nói rằng QTHCTĐT là một trong những xu hướng phát triển quan trọng nhất của giáo dục đại học.

Sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động QTHCTĐT thực tế đã tạo nên những chuyển biến đáng kể trong hoạt động của các CSGDĐH trong những giai đoạn vừa qua. Tuy vậy, hoạt động QTHCTĐT đi kèm với sự chuẩn bị và sự đầu tư lớn về các nguồn lực liên quan. Chính vì thế, không ít CSGDĐH dù đã bàn nhiều chiến lược nhưng các hoạt động cụ thể hoá các chiến lược này chỉ dừng lại ở mức khiêm tốn và kết quả của quá trình này ít nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện mục tiêu QTH của nhà trường. Vấn đề này từ nhiều năm trước đã được nêu ra. Cụ thể, Buch và Rhoda (1995) cho rằng nhiều trường đào tạo kinh doanh gặp khó khăn trong việc tích hợp những khía cạnh quốc tế vào chương trình đào tạo. Tuy nhiên, Buch và Rhoda (1995) cũng cho rằng công tác này hoàn toàn có thể được thực hiện từ dưới lên với sự chủ động của giảng viên thông qua việc lựa chọn những minh hoạ/trường hợp để củng cố thêm cho SV khi triển khai các tài liệu trong chương trình đào tạo. Nghiên cứu của Ward (2007) cũng mô tả 06 hoạt động với vai trò giảng viên phụ trách khoá học có thể áp dụng nhằm QTHCTĐT bao gồm: (1) định hình lại khoá học/mục tiêu khoá học, (2) QTH học liệu, (3) bổ sung các nội dung quốc tế vào các đơn vị bài học, (4) lồng ghép các nội dung quốc tế vào các bài tập, (5) bổ sung các câu hỏi liên quan đến quốc tế vào đề thi và hoạt động đánh giá và (6) yêu cầu/khuyến

khích cộng điểm cho SV tham gia các hoạt động thực tập và các hoạt động có liên quan đến quốc tế. Rõ ràng, QTHCTĐT hoàn toàn có thể được triển khai theo tiếp cận từ dưới lên trên với sự tham gia mạnh mẽ của giảng viên.

Trong khi QTHCTĐT cần được thực hiện như là một kế hoạch với quy mô lớn và thời gian chuẩn bị và triển khai kéo dài thì với sự tham gia chủ động của giảng viên, QTH ở cấp độ khoá học với tên gọi chính thức là QTH khoá học có thể được triển khai mang tính chất thử nghiệm ở quy mô nhỏ và sự chuẩn bị ở mức độ ít phức tạp hơn những có tiềm năng mang lại hiệu quả đáng kể. Theo Schuerholz-Lehr và cộng sự (2007, tr 70), QTH khoá học “là quá trình mà các yếu tố quốc tế được lồng ghép vào nội dung khoá học, các nguồn tài liệu quốc tế được sử dụng trong học liệu và các bài tập, và những phương pháp giảng dạy được triển khai phù hợp với đối tượng những người học có sự đa dạng về văn hoá”. Trong các thập kỉ vừa qua một số nghiên cứu đã chỉ ra được những kết quả quan trọng liên quan đến chủ đề nghiên cứu này. Thật đáng tiếc, đến nay chưa có nhiều nghiên cứu phân tích tổng quan các mặt liên quan đến khía cạnh QTH khoá học và từ đó đưa ra những khuyến nghị cụ thể cho CSGDDH. Xuất phát từ thực tế trên, nghiên cứu này, bằng phương pháp phân tích SWOT, tổng quan những điểm mạnh, điểm hạn chế, những cơ hội và những thách thức của QTH khoá học trên thế giới. Kết quả nghiên cứu không chỉ rút ra những đặc điểm quan trọng của một lĩnh vực nghiên cứu tiềm năng mà còn gợi mở cho các CSGDDH những hướng vận dụng vào điều kiện giáo dục tại Việt Nam. Trên cơ sở này, các CSGDDH ở Việt Nam có thêm tài liệu tham khảo về một hoạt động có thể tạo nên những chuyển biến tích cực trong giảng dạy và học tập tại các trường đại học Việt Nam, và từng bước đưa hoạt động này vào triển khai trong quá trình QTH giáo dục đại học nói chung và QTHCTĐT nói riêng.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp lựa chọn và phân tích tài liệu

Nghiên cứu này chú trọng tìm kiếm tài liệu trong giai đoạn 1980 đến 2024 thông qua công cụ tìm kiếm Google Scholar. Do các nghiên cứu về QTH khoá học đã được chú trọng triển khai từ những năm 1980 nên việc khai thác các tài liệu công bố từ những năm này đến thời điểm hiện tại có vai trò quan trọng trong việc khái quát bức tranh tổng thể của lĩnh vực nghiên cứu này. Các từ khoá liên quan tương ứng với các tiếp cận được sử dụng để tìm kiếm bao gồm: quốc tế hoá giáo dục đại học (Internationalization of Higher education), quốc tế hoá chương trình đào tạo (Internationalization of the Curriculum) và quốc tế hoá khoá học (Course Internationalization hoặc internationalization of courses). Các công trình nghiên cứu được chọn lọc và phân tích sau khi đáp ứng được các tiêu chí gồm: (1) Tên công trình nghiên cứu nêu trực tiếp tên QTH giáo dục đại học, QTHCTĐT hoặc QTH khoá học, (2) Công trình nghiên cứu được trích dẫn trên 10 lần trên cơ sở dữ liệu Google Scholar và (3) Tác giả có từ 3 công trình nghiên cứu trong lĩnh vực QTH giáo dục đại học trở lên. Sau các bước trong quá trình này, trên cơ sở 38 tài liệu liên quan đến QTH đại học, QTHCTĐT và QTH khoá học, nghiên cứu này chọn lọc ra 16 công trình trực tiếp nghiên cứu QTH khoá học đáp ứng các tiêu chí đề ra và sử dụng làm tài liệu phân tích. Một số nghiên cứu còn lại, dù có những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực nhưng do không trực tiếp xoay vào các khía cạnh quan sát nên được sử dụng một phần nhằm củng cố đánh giá tổng quan trong nghiên cứu này. Dựa vào các công trình được chọn lọc, 04 khía cạnh của phương pháp phân tích SWOT gồm S (Strength), W (Weakness), O (Opportunities) và T (Threat) được sử dụng như là khung đánh giá thông tin tương ứng trong từng công trình nghiên cứu. Trên cơ sở này, các nội dung của từng khía cạnh được tổng hợp, phân tích và hệ thống hoá thành kết quả nghiên cứu. Trong khi các tiếp cận trước đây bàn về QTH khoá học theo hướng rời rạc và chưa trình bày bức tranh tổng thể của chủ đề này, nghiên cứu hiện tại với góc nhìn phân tích SWOT đã phân loại thông tin theo hướng rõ ràng hơn dựa trên 04 khía cạnh nền tảng của phương pháp phân tích này và chỉ ra những kết quả nghiên cứu có ý nghĩa trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam.

2.2. Tổng quan về quốc tế hoá khoá học trong chương trình đào tạo đại học trên thế giới

2.2.1. Điểm mạnh (S)

Một số nghiên cứu trên thế giới trong thời gian qua thể hiện một số điểm mạnh của về QTH khoá học như sau:

Thứ nhất là giúp SV gia tăng động lực học tập và phát triển các nhóm kỹ năng cần thiết. Green (2012) lí giải rằng QTH khoá học tại các CSGDDH tác động trực tiếp đến nhiều SV hơn. McClure (1988), trong nghiên cứu về QTH khoá học đại cương kế toán tài chính với sự vận dụng hiệu quả tài liệu giảng dạy do các giáo sư có mối quan tâm và đã từng có kinh nghiệm về quốc tế biên soạn, đã nêu bật điểm mạnh của QTH khoá học là (1) giúp SV phát triển được kỹ năng soạn thảo và đọc hiểu được báo cáo tài chính theo nhiều quy trình kế toán khác nhau và (2) giúp SV tiếp cận được những quy luật bất thành văn về kế toán ở các quốc gia khác nhau. Bên cạnh đó, trong nghiên cứu về QTH khoá học thuyết trình trước công chúng, Lyons (2017) khẳng định việc lồng ghép khía cạnh quốc tế vào những nội dung nền tảng của khoá học giúp mở rộng hiểu biết của SV về một quốc gia và văn hoá của quốc gia ấy đồng thời khuyến khích SV tham gia những chương trình du học nước ngoài của trường đại học. Tác giả cũng nêu rõ do

nhiều SV đến từ các vùng nông thôn, việc bổ sung các yếu tố quốc tế vào khoá học giúp SV có động lực và linh hoạt nhìn nhận về thế giới bên ngoài ranh giới quốc gia. Thêm nữa, Ofodile (2021), dựa trên kết quả nghiên cứu trong khoá học Giải tích II của Trường Đại học bang Albany trong năm 2018-2019 cũng chỉ ra rằng so với lớp học kiểu truyền thống, các khoá học với nội dung theo hướng QTH đã giúp SV tham gia vào bài học theo hướng tích cực hơn.

Thứ hai là giúp nâng cao kết quả học tập của SV. Connor và cộng sự (1996) trong nghiên cứu về QTH khoá học kế toán nâng cao chỉ ra hoạt động này ở bối cảnh Hoa Kỳ giúp SV phát triển nhận thức và sự đánh giá đúng đắn về một số hệ thống kế toán, cụ thể trong bối cảnh nghiên cứu này là hệ thống kế toán ở Đức, Ý, Nhật và Anh. Lyons (2017) cũng khẳng định đa số SV tham gia khoá học có sự lồng ghép các yếu tố quốc tế thể hiện sự đặc biệt hứng thú với thông tin liên quan đến việc du học nước ngoài. Trong các nhóm thuyết trình trong khoá học, theo tác giả, SV có thể diễn giải chi tiết về chủ đề dựa trên những thông tin cơ bản được hướng dẫn và điều này thể hiện SV đã tích lũy được nhiều nội dung kiến thức đa dạng trong quá trình chuẩn bị cho bài thuyết trình. Bên cạnh đó, theo Scariot và cộng sự (2021) cho rằng một điểm sáng nữa của QTH khoá học là tỉ lệ SV đạt kết quả thấp trong học kì đầu tiên đã giảm và thể hiện rằng nhà trường đã có những sự hỗ trợ phù hợp hơn cho SV. Thêm nữa, Ofodile (2021) cũng dẫn kết quả thể hiện QTH khoá học giúp nâng cao tỉ lệ SV vượt qua khoá học. Có thể thấy, khi nội dung giảng dạy được lồng ghép thêm các nội dung liên quan văn hoá và toàn cầu, SV có cơ hội tiếp cận kiến thức ở góc rộng hơn và góp phần khuyến khích SV nỗ lực đạt kết quả học tập tốt hơn.

Thứ ba là giúp SV có sự kết nối kiến thức học tập trong khoá học và kiến thức trong lĩnh vực đào tạo trong bối cảnh quốc tế và từ đó có sự chuẩn bị tốt cho nghề nghiệp. Nghiên cứu của Varner (1987) trong khoá học giao tiếp thương mại ở trường Đại học bang Illinois, Hoa Kỳ chỉ ra QTH khoá học giúp SV nhận thức được mối quan hệ giữa kết cấu tổ chức và giao tiếp thương mại, thảo luận những tác động về văn hoá lên giao tiếp thương mại quốc tế, xem xét thực tiễn giao tiếp phi ngôn ngữ và xác định kênh giao tiếp phù hợp. Leslie (2007), xét trong lĩnh vực đào tạo về chính trị, cho rằng khoa học chính trị là một ngành nên được vận hành trên không gian toàn cầu trên cơ sở xem xét mối quan hệ giữa các nền văn hoá, việc đưa các yếu tố quốc tế vào giảng dạy ngành khoa học chính trị, vì thế, mở ra cơ hội giúp SV nâng cao nhận thức về văn hoá. Trong lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp, Ma (2019) đúc kết QTH khoá học giúp SV trau dồi năng lực và tầm nhìn giao tiếp quốc tế, từ đó đảm bảo SV không chỉ có thể tham gia vào các hoạt động hợp tác và trao đổi quốc tế mà còn có thể lưu ý đến những chủ đề phổ biến liên quan đến sự tồn tại của con người và tôn trọng sự khác biệt. Scariot và cộng sự (2021) trên cơ sở phân tích dữ liệu SV từ 32 quốc gia tham gia khoá học kĩ thuật hoá học tại đại học liên bang Mỹ Latin thống nhất đã chỉ ra QTH khoá học giúp SV nhận biết những kĩ năng và năng lực nào phát triển phù hợp với thế giới việc làm bên ngoài. Ngoài ra, Ofodile (2021) nhận định những SV tham gia khoá học Giải tích II theo hướng QTH này đã mở rộng tầm nhìn, được tiếp xúc với những nghiên cứu và nghề nghiệp họ chưa từng tưởng tượng đến, có sự chuẩn bị tốt nhất cho việc theo đuổi các hình mẫu và nghiên cứu trong tương lai, và kết luận rằng QTH khoá học Giải tích II là hoạt động rất tích cực trong chương trình đào tạo này.

Có thể thấy, điểm mạnh của QTH khoá học trong một số nghiên cứu điển hình xoay quanh khía cạnh nâng cao động lực học tập, phát triển các nhóm kĩ năng cần thiết, cải thiện kết quả học tập và chuẩn bị tốt cho nghề nghiệp. Đây là những mặt có ý nghĩa quan trọng trong quá trình học tập của SV tại các CSGDDH, vì vậy, có thể khẳng định rằng QTH khoá học là hoạt động có vai trò đáng kể và cần được chú trọng tìm hiểu thêm.

2.2.2. Điểm hạn chế (W)

Bên cạnh những điểm mạnh, các nghiên cứu điển hình trong các giai đoạn vừa ra chỉ ra được một số hạn chế của QTH khoá học như sau:

Thứ nhất là QTH khoá học yêu cầu sự tham gia chủ động của các cấp quản lí trong việc xây dựng kế hoạch, hỗ trợ thực hiện và đánh giá chất lượng công tác. Theo Osakwe (2017), “Những hướng dẫn cho giảng viên về cách QTH nội dung giảng dạy là chưa rõ ràng” (tr 3). Tác giả này cũng đưa ra câu hỏi làm thế nào để một giảng viên đánh giá được tính hiệu quả của hoạt động QTH khoá học, đặc biệt là trong việc đạt được mục tiêu học tập mong đợi của SV. Ofodile (2021) cũng nêu điểm hạn chế là những khoá học theo hướng QTH này vẫn còn mang tính đơn lẻ và cần được mở rộng theo hướng liên kết với các khoá học khác trong chương trình đào tạo và cả các ngành đào tạo khác. Rõ ràng, mặc dù nhiều mặt của QTH khoá học gắn liền với vai trò của giảng viên, nhưng nếu không có định hướng triển khai rõ ràng và không được đánh giá thường xuyên về kết quả thực hiện, QTH khoá học khó có thể phát huy tối đa các thế mạnh và tạo ra được những tác động lớn. Chính vì vậy, sự tham gia của các cấp quản lí trong việc xây dựng kế hoạch hỗ trợ thực hiện và đánh giá tính hiệu quả của công tác là không thể thiếu được.

Thứ hai là QTH khoá học ảnh hưởng đến khối lượng công việc của giảng viên. McClure (1988) chỉ ra rằng để triển khai QTH khoá học, tài liệu cần được chuẩn bị công phu. Vì vậy, thời gian giảng viên dành cho hoạt động này

là một trở ngại rất lớn. Lyons (2017) cũng cho rằng khi triển khai QTH khoá học thuyết trình, khoá học thử nghiệm kéo dài 4 tuần số lượng chủ đề và số lượng bài thuyết trình còn chưa được như dự kiến và các hoạt động khác như hướng cho SV trong nước trao đổi, thảo luận qua Skype với các nhóm SV ở các quốc gia khác cũng chưa đủ thời gian thực hiện. DeCuir (2017) nhấn mạnh rằng giáo viên cần có sự cam kết mạnh mẽ trong quá trình QTH khoá học. Như vậy, có thể thấy rằng để triển khai hiệu quả QTH khoá học, khá nhiều công tác liên quan người giảng viên cần đầu tư chuẩn bị và vì vậy ít nhiều có thể ảnh hưởng đến công tác chung của giảng viên.

Thứ ba là nội dung QTH yêu cầu sự kết hợp giữa kiến thức chuyên ngành và kiến thức về văn hoá và toàn cầu. Nghiên cứu của Connor và cộng sự (1996) thể hiện hạn chế là các bước triển khai QTH khoá học không bàn đến các khía cạnh văn hoá, mà chỉ đặt trọng tâm là giúp SV tiếp cận được kiến thức chuyên môn lĩnh vực ở các quốc gia khác. Tương tự, nghiên cứu của Keeney (1987) cũng chưa bàn đến các khía cạnh văn hoá mà chỉ chú trọng nhiều đến các nội dung kiến thức chuyên môn ngành y tế trong bối cảnh quốc tế. Cụ thể, trong nghiên cứu của Keeney (1987), giảng viên trong nghiên cứu này bổ sung 2.5 giờ thuyết trình về các khía cạnh quốc tế xoay quanh chương trình học về sức khoẻ. SV thuyết trình, điền thông tin so sánh về vấn đề y tế giữa quốc gia thịnh vượng và quốc gia nghèo và giảng viên chỉ ra bảng so sánh chuẩn.

Tóm lại, các mặt như xây dựng kế hoạch dài hạn, sự đầu tư thời gian của giảng viên và lồng ghép nội dung kết hợp giữa văn hoá và chuyên ngành là những mặt hạn chế cần được chú trọng đầu tư thêm khi triển khai QTH khoá học.

2.2.3. Cơ hội (O)

Một số nghiên cứu điển hình thể hiện hai cơ hội đáng chú ý của QTH khoá học như sau:

Thứ nhất là nhu cầu tiếp cận QTH của SV CSGDDH rất lớn. Theo Osakwe (2017), hơn 90% SV của Hoa Kỳ không du học nước ngoài nên nhu cầu của QTH khoá học lớn hơn bao giờ hết và QTH khoá học có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu QTH cơ sở giáo dục. Ofodile (2021) cũng cho rằng chỉ 10% SV Hoa Kỳ có trải nghiệm những chương trình du học, vì vậy nhu cầu của SV trong việc nhận thức và trải nghiệm về những nền văn hoá khác, hiểu tại sao những người khác suy nghĩ và hành động khác biệt hiện nay ngày càng cao. Leslie (2007) chỉ ra rằng “trong bối cảnh toàn cầu hiện nay, những SV tốt nghiệp ở phương Tây, đặc biệt là ngành Khoa học chính trị, cần hiểu nhiều hơn những thực tế và lịch sử của chủ nghĩa tân tự do thường được giảng dạy trong những khoá học về khoa học chính trị ở Hoa Kỳ. Những nội dung giảng dạy hạn hẹp như thế là không đầy đủ. Thế hệ SV này và cả giảng viên của họ nên có khả năng hiểu về những văn hoá và bối cảnh của thị trường quốc tế mà chúng ta đang hợp tác” (tr 108). Ma (2019) nhấn mạnh sự phát triển của lĩnh vực đào tạo về nông nghiệp đang lớn hơn bao giờ hết và chỉ những chương trình đào tạo có chất lượng theo chuẩn quốc tế mới có thể tạo ra nguồn nhân lực xuất sắc mang tầm quốc tế. Vì thế theo tác giả này việc đẩy mạnh QTH khoá học trong lĩnh vực đào tạo này cần được đầu tư về chiều sâu để có thể bắt nhịp được với xu thế phát triển của thời đại.

Thứ hai là sự phát triển của công nghệ mang đến cơ hội giúp hoạt động ứng dụng và lồng ghép công tác QTH khoá học được triển khai thuận lợi hơn. Finardi và Tyler (2015) chỉ ra rằng toàn cầu hoá và kĩ nguyên thông tin đã tạo nên những sự thay đổi lớn về xã hội, chính trị và kinh tế bao gồm sự phát triển nhanh về hàng hoá, dịch vụ và thông tin xuyên quốc gia. Thêm nữa, công nghệ kĩ thuật số đã phát triển hạ tầng mạng và góp phần đẩy mạnh toàn cầu hoá và QTH trong giáo dục. Xu & Boudouaia (2023) thì nhận định sự phổ biến của các nền tảng xã hội và các công nghệ giáo dục linh hoạt đã hỗ trợ đáng kể cho quá trình mở rộng QTH tại các CSGDDH. Cụ thể, công nghệ giúp SV có thể dễ dàng học hỏi về một quốc gia hoặc một nền văn hoá từ xa và có thể thảo luận và làm việc với thầy cô và bạn cùng lớp ở khắp nơi trên thế giới.

Như vậy, với nhu cầu tiếp cận QTH ngày càng lớn hơn và sự phát triển của công nghệ, QTH khoá học đang đứng trước cơ hội phát triển lên như là một mảng tiềm năng có thể tạo nên những chuyên biến đáng kể trong chiến lược QTH của các CSGDDH.

2.2.4. Thách thức (T)

Bên cạnh những cơ hội nêu trên, nghiên cứu chỉ ra được một số thách thức của QTH khoá học như sau:

Thứ nhất là nền tảng của giảng viên về các khía cạnh của QTH chưa cao. Hầu hết giảng viên không mạnh về kiến thức văn hoá (Menstenhauser, 2011). Nhìn nhận về vấn đề này, Osakwe (2017) cũng nhận định hầu hết giảng viên đại học không thành thạo về văn hoá và các vấn đề toàn cầu. Lí giải cho điều này, Osakwe (2017) cho rằng nguyên nhân có thể là do thiếu sự va chạm với kiến thức toàn cầu hoặc trải nghiệm học tập của cá nhân trong một nền giáo dục chưa hoàn chỉnh.

Thứ hai là nền tảng của SV về ngoại ngữ còn nhiều hạn chế. Scariot và cộng sự (2021) chỉ ra rằng ngoại ngữ là rào cản của SV trong QTH khoá học tại đại học liên bang Mỹ Latin thống nhất. Nghiên cứu của Ma (2019) cũng chú

trọng bản đến tầm quan trọng của việc áp dụng tiếng Anh vào giảng dạy để hỗ trợ SV tiếp cận học liệu từ các nước và có sự so sánh đối chiếu rõ nét các khía cạnh chuyên môn về nông nghiệp của trong nước và thế giới.

Thứ ba là nhận thức của SV về QTH còn hạn chế. Trong nghiên cứu của Lyons (2017), giai đoạn đầu của quá trình lồng ghép yếu tố toàn cầu vào các nội dung nền tảng của khoá học, nhận thức của SV còn tương đối tiêu cực. Tuy nhiên, sau khi được giảng viên hướng dẫn cụ thể, các SV này thực hiện tốt theo hướng dẫn và hài lòng với kết quả của bài thuyết trình. Tương tự, DeCuir (2017) dẫn kết quả mặc dù hầu hết kiến thức về đa dạng văn hoá đều đã được hướng dẫn cụ thể nhưng người học ít chủ động trong các tương tác với các SV khác trong các thảo luận trực tuyến về nội dung được học. Whitehead (2022), trong nghiên cứu về QTH khoá học phát triển con người trong lĩnh vực tâm lý học cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự thay đổi nhận thức của SV. Khi SV nhận ra một sự khác biệt về văn hoá, SV sẽ có động lực tìm kiếm kết quả và dần hình thành suy nghĩ “mọi người có khác biệt”.

Tóm lại, nền tảng tri thức của giảng viên, năng lực ngoại ngữ và nhận thức của SV là những rào cản có thể làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai QTH khoá học. Vì vậy, các khía cạnh trên cần được tính toán kỹ và có những giải pháp tác động sớm trước khi triển khai hoạt động này.

2.3. Bàn luận

Kết quả của nghiên cứu thể hiện một số điểm đáng lưu ý của QTH khoá học. Thứ nhất, lĩnh vực nghiên cứu này đã hình thành từ rất sớm và khẳng định được vị thế quan trọng trong giáo dục đại học. Thứ hai, các hoạt động QTH khoá học đã được triển khai và khẳng định được tính hiệu quả ở nhiều ngành đào tạo khác nhau. Thứ ba, QTH khoá học là định hướng phù hợp để các cơ sở giáo dục rút ngắn khoảng cách giữa chương trình đào tạo trong nước và nội dung kiến thức được sử dụng trong bối cảnh quốc tế. Thứ tư, QTH khoá học cần được chú trọng phát triển như là một phần quan trọng của QTH giáo dục đại học nói chung và QTHCTĐT nói riêng. Tóm lại, dù các CSGDDH có thể có những khó khăn trong quá trình triển khai QTH khoá học nhưng với những tín hiệu tích cực hoạt động này mang lại cho các CSGDDH thì việc chú trọng nghiên cứu và ứng dụng hoạt động này vào thực tiễn công tác thiết nghĩ là rất cần thiết.

2.4. Một số khuyến nghị cho các trường đại học Việt Nam

Dựa trên những đúc kết từ kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị sau đây có thể mang lại hiệu quả ứng dụng cho các trường đại học tại Việt Nam:

Đối với cấp cơ sở giáo dục, nhà trường cần xây dựng chiến lược QTH giáo dục đại học tổng thể và trong đó khẳng định vai trò nền tảng của QTH khoá học. Đây là tiền đề quan trọng để tạo hành lang vững chắc khuyến khích các đơn vị chuyên môn trong trường mạnh dạn triển khai hoạt động này.

Đối với cấp khoa, tùy vào đặc thù của đơn vị, các khoa cần xây dựng kế hoạch QTHCTĐT và trong đó, QTH khoá học cần được mô tả cụ thể như là một phần thiết yếu của QTHCTĐT nói riêng và QTH giáo dục đại học nói chung. Tiếp đến, đối sánh các khoá học thuộc các chương trình đào tạo cùng ngành ở các cơ sở giáo dục uy tín trên thế giới là hoạt động cần được triển khai và duy trì thường xuyên sao cho định hướng phát triển và cập nhật chương trình đào tạo cấp khoa phù hợp với xu thế của ngành đào tạo trên thế giới.

Đối với cấp bộ môn, hoạt động xây dựng khóa học điển hình là bước đi quan trọng cần thiết để thử nghiệm những ý tưởng đúc kết từ các đơn vị khác trước khi chính thức triển khai đồng loạt QTH khoá học tại CSGDDH. Dựa trên kết quả thực nghiệm một số khoá học, các bộ môn mạnh dạn xây dựng kế hoạch dài hơi để đẩy mạnh QTH khoá học trong bộ môn nói riêng và góp phần QTHCTĐT của khoa nói chung.

Đối với cấp giảng viên, trong xu thế yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của giảng viên ngày càng cao như hiện nay, hoạt động đẩy mạnh học tập về ngoại ngữ, văn hoá và kiến thức chuyên ngành trong bối cảnh cả trong nước và quốc tế là rất cần thiết để có thể hiện thực hoá mục tiêu của bộ môn, của khoa và của nhà trường về QTH khoá học và QTHCTĐT.

3. Kết luận

QTH khoá học là khía cạnh tiềm năng của QTH giáo dục đại học nói chung và QTHCTĐT nói riêng. Hướng nghiên cứu này có triển vọng giúp các CSGDDH có những sự thử nghiệm ban đầu trước khi triển khai QTHCTĐT ở quy mô lớn hơn. Nghiên cứu này, dựa trên kết quả phương pháp phân tích SWOT của một số nghiên cứu điển hình trong những năm qua, đã tổng quan những điểm mạnh, điểm hạn chế, cơ hội và thách thức của QTH khoá học. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa trong việc khái quát những đặc điểm quan trọng của QTH khoá học trên thế giới và gợi mở ra hướng nghiên cứu tiềm năng cho các CSGDDH ở Việt Nam. Trong quá trình xây dựng chiến lược QTH giáo dục đại học nói chung và QTHCTĐT nói riêng, các CSGDDH cần cân nhắc cụ thể hoá chiến lược từ vĩ mô xuống đến cấp độ khoá học và có những bước nghiên cứu, đối sánh và thử nghiệm kỹ càng. Đồng thời, nhà trường cần xây dựng các phương án phù hợp để phát huy các thế mạnh, tối ưu hoá các cơ hội, giảm thiểu các mặt hạn chế và vượt qua các thử thách của QTH khoá học. Vì đây là định hướng nghiên cứu mới và còn nhiều khía cạnh được nghiên

cứu và xem xét thêm, các nghiên cứu với quy mô lớn và các phương pháp phân tích dữ liệu đa dạng có thể chỉ ra được những kết quả có ý nghĩa lớn hơn nữa cho lĩnh vực nghiên cứu này ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Buch, J., & Rhoda, K. L. (1995). Internationalizing the Business Curriculum: Teaching by Example in Finance. *Journal of Teaching in International Business*, 6(3), 73-86.
- Connor, W. O., Rapaccioli, D., & Williams, P. A. (1996). Internationalizing the advanced accounting course. *Issues in Accounting Education*, 11(2), 315.
- de Wit, H. (2024). Internationalization in and of higher education: critical reflections on its conceptual evolution. In *Internationalization in Higher Education and Research: Perspectives, Obstacles, Alternatives* (pp. 17-31). Cham: Springer International Publishing.
- DeCuir, E. (2017). Internationalizing Teacher Education in the United States: A Teacher Educator's Journey from Conceptualization to Implementation. *International Research and Review*, 6(2), 32-50.
- Đỗ Thị Hồng Liên (2023). Quốc tế hoá chương trình đào tạo: xu hướng của thế giới và những đề xuất đối với Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 23(2), 58-63.
- Finardi, K., & Tyler, J. (2015). The role of English and technology in the internationalization of education: insights from the analysis of MOOCs. In *EduLearn15 Proceedings* (pp. 11-18). IATED.
- Green, M. F. (2012). Measuring and assessing internationalization. *NAFSA: Association of International Educators*, 1(1), 1-26.
- Keeney, G. L. (1987). Internationalizing college health education courses. *Health Education*, 18(2), 30-33.
- Leslie, I. (2007). Internationalizing Political Theory Courses. *PS: Political Science & Politics*, 40(1), 108-110.
- Lyons, F. A. (2017). A Global Integration: Internationalizing a Public Speaking Course. *International Research and Review*, 6(2), 85-102.
- Ma, Y. (2019). Research on the implementing approaches of courses internationalization in agriculture-related Universities. In *2019 International Conference on Management, Education Technology and Economics (ICMETE 2019)* (564-567). Atlantis Press.
- McClure, M. M. (1988). Internationalization of the introductory financial accounting course. *Journal of Accounting Education*, 6(1), 159-181.
- Mestenhauser, J. A. (2011). *Reflections on the past, present, and future of internationalizing higher education—Discovering opportunities to meet the challenges*. Minnesota: Global Programs and Strategic Alliance at the University of Minnesota.
- Ofodile, C. (2021). Engaging Students Early by Internationalizing the Undergraduate Calculus Course. *CODEE Journal*, 14(1), 1.
- Osakwe, N. N. (2017). Internationalizing courses: A faculty development process. *International Research and Review*, 6(2), 1-31.
- Osakwe, N. N., DeCuir, E., & Smithee, M. B. (2022). Internationalization for All Learners: Global Learning at Home as a Strategic Process. *International Research and Review*, 11(2), 25-47.
- Scariot, M. R., de Freitas Zara, K. R., da Silva Arrieche, L., & Furtado, A. C. (2021). Internationalization of the Chemical Engineering Course at the Federal University of Latin American Integration: Challenges and Possibilities. *International Journal of Advanced Engineering Research and Science*, 8, 12.
- Schuerholz-Lehr, S., Caws, C., Van Gyn, G., & Preece, A. (2007). Internationalizing the Higher Education Curriculum: An Emerging Model for Transforming Faculty Perspectives. *Canadian Journal of Higher Education*, 37(1), 67-94.
- Varner, I. I. (1987). Internationalizing business communication courses. *The Bulletin of the Association for Business Communication*, 50(4), 7-11.
- Ward, D. E. (2007). Internationalizing the american politics curriculum. *PS: Political Science & Politics*, 40(1), 110-112.
- Whitehead, P. M. (2022). Internationalization of a Course in Human Development. *International Research and Review*, 11(2), 85-101.
- Xu, Q., & Boudouaia, A. (2023). A study on technology use for sustainable graduate education internationalization at home: Chinese teachers' experiences and perspectives. *Sustainability*, 15(13), 10621.